TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

-Bản án số: **293/**2024/HNGĐ-ST
-Ngày: 22/7/2024
- V/v: Xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tài.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Nguyễn Hoa Kiều**
2. Ông **Trương Hoàng Hoa**

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Nguyễn Sỹ Đăng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà*: Ông **Ngô Thành Khánh Duy** kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* **Phan Thị Thanh T, sinh năm 1987**.

2. Bị đơn: **Nguyễn Minh G**, **sinh năm 1977**.

Cùng địa chỉ: ấp Bình Thọ T, xã Bình P, huyện C, tỉnh T

(Chị T và anh G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn Nguyễn Thị Mộng T trình bày:* Năm 2005, chị và anh G tự nguyện cưới nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bình P, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 22/11/2005. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cho đến thời gian năm 2022 giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường hay cãi nhau, không có tiếng nói chung làm cho tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được và anh, chị đã ly thân nhau đến nay hơn 09 tháng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh G.

Vợ chồng chị có con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 16/01/2006 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 16/9/2009. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: vợ chồng chị không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin vắng mặt.

** Tại văn bản gửi đến Tòa án nhân dân huyện C ngày 12/6/2024, bị đơn Nguyễn Minh G trình bày:* Anh đồng ý với yêu cầu nêu trong đơn của chị T, do bận việc nên anh xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh G. Đối với yêu cầu về con chung: cháu Thư đã trưởng thành còn cháu Nhung đang sống ổn định và có nguyện vọng sống với chị T nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu Nhung. Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Toà án giải quyết; về nợ chung: chị T xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiê tòa, văn bản trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị T và anh G là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bình P, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 22/11/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn thường trú tại huyện C, tỉnh T. Nay chị T xin ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị T xin ly hôn với anh G vì từ năm 2022 cho đến nay giữa vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung làm cho tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể

hàn gắn được và anh, chị đã ly thân nhau đến nay đã hơn 09 tháng. Anh G cũng đồng ý ly hôn và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Xét thấy, mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm nên chị T có đơn xin ly hôn với anh G. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng giữa anh, chị không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh G cũng có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị T, chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị được ly hôn với anh G.

[4] Về con chung: chị T và anh G có con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 16/01/2006 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 16/9/2009. Ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Nguyễn Thị Anh T (đã trưởng thành); cháu Nguyễn Thị Hồng N đang sống ổn định với chị T và có nguyện vọng được sống với chị T. Anh G không tranh chấp nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo cho con chung phát triển toàn diện về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao chị được quyền tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng N.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung, anh G cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh G vắng mặt; chị T trình bày chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; vợ chồng chị không nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh T.**

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Minh G.

2. Về con chung:

+ Chị Phan Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 16/9/2009.

+ Chị Phan Thị Thanh T không yêu cầu anh Nguyễn Minh G cấp dưỡng nuôi con.

+ Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Phan Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007564 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Văn Tài